

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày: 24-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Minh Tùng**;

2. Ông **Ngô Hoàng Bá**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Khổng Phúc Vĩnh Nhật** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, thành phố C sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Danh Tấn L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, thành phố C.

2. *Bị đơn:* Ông **Đoàn Thái B**, sinh năm 1983.

Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện V, thành phố C.

(Ông L xin xét xử vắng mặt, bà T có mặt, ông B vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Danh Tấn L có yêu cầu giải quyết như sau:

Vào năm 2021 ông có cho ông Đoàn Thái B vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 11/02/2021 vay 100.000.000 đồng có giấy tay. Đến khoảng gần một tháng sau ông B tiếp tục vay ông thêm 30.000.000 đồng tổng cộng là 130.000.000 đồng không có lãi suất. Từ khi vay đến nay bị đơn không trả tiền nợ gốc, mục đích bị đơn vay số tiền trên là để phục vụ nhu cầu thiết yếu chung

trong sinh hoạt gia đình của bị đơn. Ông yêu cầu ông B và bà T có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 130.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật

Bị đơn bà Đỗ Thị T quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Đỗ Thị T trình bày: Bà Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn hiện tại bà và ông B còn nợ ông L số tiền 130.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả số tiền trên trong vòng 12 tháng bắt đầu tính từ ngày 10/4/2023.

Bị đơn ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 130.000.000 đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Danh Tấn L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Đoàn Thái B và bà Đỗ Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông số tiền nợ là 130.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà ông L, ông B theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn có cho ông bị đơn vay tiền nhiều lần với tổng số tiền nợ vay là 130.000.000 đồng không lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền trên. Phía ông B vắng mặt không lý do và

không có ý kiến phản hồi việc khởi kiện của ông L và các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án đã thông báo. Ông B không đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét lời khai của bà T tuy không ký vào giấy vay nợ nhưng bà cũng thừa nhận ông B vay là để dùng trong sinh hoạt gia đình và bà cũng thừa nhận số tiền trên, đồng ý trả nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, về tình tiết bị đơn có vay tiền của nguyên đơn là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu xin trả dần bà T cho rằng, do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên bị đơn xin trả số tiền trên trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 10/4/2023. Xét, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đều không đồng ý để bị đơn trả dần. Vì vậy, khi đến hạn thanh toán thì bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả đủ tiền nợ cho nguyên đơn nên đề nghị của bị đơn yêu cầu trả dần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày 10/4/2023 là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ liên đới: Bà T đồng ý cùng chịu trách nhiệm trả nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông B cùng có nghĩa vụ liên đới thanh toán khoản nợ vay cho nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về lãi suất: Ông B không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét giải quyết

[5] Từ những tình tiết và sự kiện đã phân tích, có đủ cơ sở để xác định việc bị đơn có vay tiền của nguyên đơn 130.000.000 đồng là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc ông B, bà T có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 130.000.000 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông B, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, 92, 96, 144, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh Tấn L đối với bị đơn ông Đoàn Thái B và bà Đỗ Thị T.

1. Buộc ông Đoàn Thái B và bà Đỗ Thị T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Danh Tấn L số tiền nợ vay là 130.000.000 đồng. Không yêu cầu lãi suất.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm trả thì phải chịu lãi suất chậm trả tính trên số nợ gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc ông Đoàn Thái B và bà Đỗ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.500.000 đồng (*Sáu triệu năm trăm nghìn đồng*). Ông Danh Tấn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006642 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, thành phố C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TP. C;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Nhật Trường